

Chủ thể tự giới thiệu văn hóa- Một vài bài học từ thực tiễn

TS. LÊ THỊ MINH LÝ*

Di sản văn hóa phi vật thể, cộng đồng và chủ thể văn hóa

Khái niệm di sản văn hóa phi vật thể mới vừa qua, năm 2009 đã được đưa vào *Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa*. "Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan; có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng; không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác." Việc sửa đổi khái niệm này nhằm mục tiêu xác định rõ hơn chủ thể, bản chất, đặc tính của di sản văn hóa phi vật thể để có biện pháp bảo vệ một cách thích hợp.

Di sản văn hóa phi vật thể là những đối tượng sống, chứa đựng sinh lực và tồn tại trong các mối quan hệ xã hội phát triển liên tục. Di sản đó mang tính truyền thống, đang sống, và, được các cộng đồng công nhận, không chỉ vì nó là tài sản của họ, mà còn vì nó

quan trọng đối với bản sắc của họ. Di sản văn hóa phi vật thể được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, được các cộng đồng và các nhóm không ngừng tái tạo và hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục. Theo Công ước UNESCO năm 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, Việt Nam cần phải nỗ lực đảm bảo khả năng tham gia tối đa của các cộng đồng, các nhóm người và, trong một số trường hợp, là cá nhân vào việc sáng tạo, duy trì và chuyển giao di sản. Cần tích cực thu hút họ vào công tác quản lý và phát huy chức năng của di sản trong đời sống xã hội.

Cộng đồng là nhóm hoặc các nhóm người có mối quan hệ gắn bó mang tính lịch sử, có chung nhận thức về bản sắc văn hóa và cùng tham gia vào việc sáng tạo, lưu truyền và thực hành di sản văn hóa phi vật thể. Chủ thể văn hóa là nhóm người, cá nhân sở hữu, thừa kế, thực hành và sáng tạo di sản văn hóa phi vật thể.

Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể là tập hợp các biện pháp có mục tiêu đảm bảo khả năng tồn tại của di sản văn hóa phi vật thể,

* PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC DI SẢN VĂN HÓA

bao gồm việc nhận diện, tư liệu hoá, nghiên cứu phục hồi các phương diện khác nhau của di sản, bảo tồn, phát huy, củng cố, chuyển giao, truyền dạy, đặc biệt là thông qua các hình thức giáo dục chính thức hoặc phi chính thức. Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể là kế thừa con người, là kế thừa văn hóa sống. Nội hàm của hai chữ "bảo vệ" chính là trao truyền và kế thừa. Đó là bảo vệ sống.

Hãy tôn trọng quyền quyết định của chủ thể văn hóa. Hãy trao quyền và hỗ trợ để người dân tự xác định bản sắc của họ, nhận ra cái họ có, họ cần và họ bảo vệ. Cái họ cần chính là cái gắn với cách mưu sinh, tái sản xuất xã hội và cuộc sống tinh thần của họ. Vấn đề bảo vệ di sản văn hóa, bản sắc văn hóa và đa dạng văn hóa trước hết phải xuất phát từ chủ thể văn hóa, từ nhu cầu, lợi ích của chủ thể và do chủ thể tự quyết định.

Một vài bài học kinh nghiệm từ thực tiễn

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam khánh thành và hoạt động từ 1997, 13 năm hoạt động chưa phải là nhiều, song với cách tiếp cận mới, hiệu quả, bảo tàng này đã nhanh chóng có thương hiệu quốc gia và quốc tế. Thương hiệu đó được xác định bởi bảo tàng đã thiết lập và thực hiện được mục tiêu vì cộng đồng, phương pháp làm việc với cộng đồng, phát huy vai trò của cộng đồng, chủ thể văn hóa trong việc bảo vệ di sản văn hóa nói chung và di sản văn hóa phi vật thể nói riêng.

Nhiệm vụ của bảo tàng là trưng bày, giới thiệu văn hóa của cộng đồng 54 dân tộc anh em ở Việt Nam. Để nội dung trưng bày ý nghĩa, khách quan và đảm bảo đa dạng văn hóa dân tộc, bảo tàng đã kể những câu chuyện của cộng đồng bằng tiếng nói của chính họ. Di sản của cộng đồng trong quá khứ và hiện tại được trưng bày trang trọng, đẹp đẽ và "sống". Sự sống được khẳng định bằng hiện vật thật. Ở đây không có hiện vật phục chế. Mỗi hiện vật có bối cảnh, có câu chuyện riêng. Sự sống được thể hiện qua thông tin giới thiệu trưng bày. Đó là những lời giới thiệu của chủ thể văn hóa, mộc mạc, trung thực và xúc cảm. Đó là những bức ảnh, những thước phim được xây dựng có sự tham gia của cộng

đồng. Bộ phim Múa rối của người Tày ở làng Thẩm Rộc là một dự án tốt. Năm 1999, một nhóm cán bộ nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã đến làng Thẩm Rộc, tỉnh Thái Nguyên. Loại hình nghệ thuật này đã không được trình diễn trong hàng chục năm qua. Nhưng may mắn là các con rối thì vẫn được gìn giữ và bảo quản tốt ở trong nhà của một người già, có uy tín trong làng. Các nhà nghiên cứu đã làm việc với bà con để làm một bộ phim dân tộc học. Trong quá trình tư liệu hóa đó, các nhà nghiên cứu đã làm việc với cộng đồng và những tri thức, kỹ năng biểu diễn rối, kỹ thuật làm con rối được phục hồi bởi cộng đồng. Người già dạy lại cho con cháu, những người trẻ tuổi. Thông qua dự án này, di sản đã sống lại, truyền thống được tiếp nối. Bộ phim này đã được giới thiệu trong một số hội thảo quốc tế và UNESCO đánh giá dự án này là ví dụ điển hình của phương pháp tư liệu hóa với sự tham gia của cộng đồng.

Có thể đánh giá một cách khách quan rằng, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam là ngôi nhà chung của cộng đồng. Bảo tàng tổ chức các hoạt động hướng tới các cộng đồng khác nhau với những hình thức khác nhau. Từ trưng bày thường xuyên đến tất cả khu trưng bày ngoài trời, với những ngôi nhà dài, nhà rộng, nhà sàn, nhà đất, nhà trình tường, nhà gỗ, nhà xây... cùng với không gian văn hóa của nó đều có dấu ấn của cộng đồng. Những công trình kiến trúc dân tộc được di dời, phục dựng hoặc được xây dựng với sự tham gia của cộng đồng. Họ là những chủ thể văn hóa, được bảo tàng đón về để thực hiện việc dựng nhà, trưng bày nội thất, làm vườn tạo không gian sinh thái. Sẽ là đơn giản hơn nhiều nếu làm trưng bày đó theo phương thức xây dựng hiện đại, chuyên nghiệp. Song sẽ là ý nghĩa hơn và không thể so sánh khi các ngôi nhà đó do chủ thể văn hóa dựng lên. Nói cách khác, giá trị di sản văn hóa phi vật thể là ở đó, từng ngôi nhà có hồn và có sự sống. Trưng bày có giá trị bền vững.

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam tạo dựng được thương hiệu bởi các chương trình trình diễn của cộng đồng và bởi các chương trình

giáo dục đa dạng, hữu ích. Ở đó, cộng đồng đóng vai trò quan trọng. Họ là chủ thể văn hóa, đến bảo tàng để thực hiện các trình diễn văn hóa sống. Họ là chủ nhân của các di sản phi vật thể múa Rối nước, hát Chèo tàu, dệt vải, nặn gốm, làm nón, vẽ tranh, làm giấy, nặn tò he, rèn dao, làm bánh... Họ đến bảo tàng với sự hiểu biết đầy đủ về di sản của mình và sự tự chủ trong việc trình diễn tự giới thiệu về di sản của mình.

Chúng tôi muốn phân tích một ví dụ nữa. Lễ hội đời sống dân gian Smithsonian là lễ hội quốc gia lớn nhất của Hoa Kỳ và nay đã trở thành truyền thống, được tổ chức mỗi năm một lần tại Quảng trường quốc gia Mall ở Washington DC. Với phương châm "là bảo tàng sống không vách ngăn", lễ hội Smithsonian giới thiệu, tôn vinh những truyền thống văn hóa dân gian của Hoa Kỳ và của các dân tộc trên toàn thế giới. Hàng năm, lễ hội được tổ chức theo các chủ đề. Dù là chủ đề đó chỉ liên quan đến một quốc gia hay nhiều quốc gia, thì quan điểm nhất quán của Smithsonian là: "không tái tạo quá khứ mà tạo môi trường để kế tục truyền thống", nghĩa là chỉ giới thiệu những truyền thống dân gian đại diện, đang "sống", được cộng đồng duy trì, thực hành trong đời sống đương đại. Lễ hội gắn kết di sản thành bức tranh có chủ đề đa dạng, sống động, vừa tương đồng, vừa độc đáo, bản sắc.

Tôn vinh và hỗ trợ để các chủ thể văn hóa nói tiếng nói của mình, đó là quan điểm chính của lễ hội Smithsonian. Cộng đồng, hiểu theo định nghĩa của Công ước UNESCO, là khái niệm rộng, có tính mở, bao hàm cả những nhóm có liên quan đến truyền thống văn hóa đó. Mỗi lễ hội phải có sự đầu tư nghiên cứu trước ít nhất trong ba năm. Công việc nghiên cứu diễn dã, lựa chọn và lập hồ sơ cho các loại hình tham gia lễ hội phải được tiến hành một cách công phu, nghiêm túc và khoa học, với sự tham gia của cộng đồng địa phương. Những cuộc diễn dã, tiếp xúc với các chủ nhân văn hóa là cơ sở để xây dựng cốt chuyện và câu chuyện. Các nhà nghiên cứu phải cùng cộng đồng lựa chọn loại hình di sản để tham

gia trình diễn, giúp họ xây dựng phương án trình diễn và giới thiệu tại lễ hội. Quá trình này giúp chủ thể văn hóa hiểu di sản của mình, đồng thời thực tập việc tự giới thiệu di sản trước công chúng.

Như một vở kịch lớn, các lễ hội đều phải có các nhân vật: Cultural Owner- chủ thể văn hóa- nghệ nhân; Audience- khán giả; Researcher- nhà nghiên cứu; Presenter- người giới thiệu. Đó là các nhân tố tạo thành lễ hội. Tôi muốn nói kỹ hơn về vai trò của các presenter. "Không biến nghệ nhân thành "hiện vật" sống. Giúp họ tự nói về mình". Đó chính là nhiệm vụ của các presenter. Presenter cho lễ hội Smithsonian phải giỏi tiếng Anh, nhưng không chỉ là người phiên dịch mà họ phải là những người nghiên cứu văn hóa và phải có kỹ năng giao tiếp tốt. Họ phải thực sự trở thành cầu nối giữa nghệ nhân và công chúng, góp phần tôn vinh nghệ nhân, tạo môi trường, diễn đàn để nghệ nhân tự giới thiệu về mình, góp phần nâng cao nhận thức cho công chúng về những giá trị văn hóa của quốc gia và quốc tế.

Khuyến nghị về việc phát huy vai trò của chủ thể văn hóa ở Làng Văn hóa các dân tộc Việt Nam

1. Về mục tiêu hoạt động của Làng Văn hóa các dân tộc Việt Nam (Làng VHCDTVN)

a. Với mục đích hỗ trợ công chúng phát hiện, nhận thức và trải nghiệm những giá trị văn hóa đặc trưng, Làng VHCDTVN giới thiệu văn hóa đa dạng, bản sắc của 54 dân tộc Việt Nam thông qua kiến trúc, nghệ thuật, sinh thái và quan trọng hơn cả đó là các truyền thống văn hóa sống.

b. Làng VHCDTVN sẽ là nơi lý tưởng để nghỉ ngơi thư giãn và giải trí nếu như chúng ta đem đến cho công chúng những trải nghiệm thú vị về cách sống, về ẩm thực dân tộc và dịch vụ mà văn hóa là tiêu chuẩn.

c. Khi rời Làng VHCDTVN công chúng sẽ mang theo niềm vui và nhận thức đầy đủ hơn về văn hóa Việt Nam.

2. Quan điểm trưng bày, giới thiệu khu Làng các dân tộc Việt Nam

a. Khu làng các dân tộc Việt Nam ở Làng Văn hóa là một hình thức bảo tàng Kiến trúc



Đội Trống hội, Gia Lâm, Hà Nội - 2010- Ảnh: Đ.T

dân tộc học sống. Ở đó chúng ta có thể giới thiệu những ngôi nhà đa dạng, bản sắc của các nhóm tộc người. Mỗi cụm kiến trúc là một bảo tàng nhỏ, cả khu làng là một bảo tàng lớn, độc đáo, có ý nghĩa sâu sắc về bảo vệ và phát huy đa dạng văn hóa của 54 dân tộc đang sinh sống ở Việt Nam.

b. Những ngôi nhà này có thể là nhà của cộng đồng cư dân bản địa được di chuyển đến đây để trưng bày, hoặc được phục dựng, tái tạo lại theo các chuẩn mực khoa học, đặc biệt quan trọng là cần có sự gắn kết với chủ thể để có thông tin cụ thể, tránh tình trạng ra đời những công trình hỗn hợp, không nhận dạng được những đặc trưng văn hóa của chủ thể. Từng cụm nhà phải phục dựng cùng với môi trường sinh thái để đảm bảo rằng, ở đó người đi tham quan như được “đắm mình” trong bối cảnh thật và được trải nghiệm bằng các giác quan.

c. Bảo tàng đó phải là bảo tàng sống. Sự sống ở đây được thể hiện thông qua những câu chuyện về ngôi nhà, chủ nhân, vật dụng, cách bài trí, thói quen, cách sống, phong tục, tập quán, ứng xử, sự kiện... Những câu

chuyện giúp người xem trải nghiệm và nhận ra những giá trị, sự tương đồng và khác biệt, những yếu tố làm nên bản sắc của chúng ta - người Việt Nam. Sức sống của bảo tàng được thể hiện bằng phương pháp bảo tàng học hiện đại, đó là trưng bày, giới thiệu, kể chuyện, thực hành, tương tác ... với phương châm “tiếng nói của chủ thể” được phản ánh một cách trung thực và ấn tượng.

d. Bảo tàng này phải luôn phát triển. Du lịch bền vững là mục tiêu hướng tới của bảo tàng. Tiếp cận văn hóa là nền tảng, hoạt động bảo tàng cần luôn được thay đổi, tươi mới, sinh động và hấp dẫn là điều kiện để đảm bảo cho sự phát triển bền vững. “Không để công chúng chỉ đến một lần!” là phương châm hành động của bảo tàng.

e. Không chỉ có cán bộ chuyên môn vận hành công việc ở đây, bảo tàng sẽ là nơi hội tụ cộng đồng, liên kết các thiết chế, hợp tác các tổ chức và cá nhân hoạt động văn hóa, giáo dục, xã hội và kinh tế mang lại lợi ích cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị đa dạng văn hóa./.